

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THIỆU HÓA
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:14/2021/HS-ST

Ngày: 24 - 6 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn;

2. Bà Trịnh Thị Hạnh

- Thư ký phiên toà: Bà Phùng Thị Tô Loan - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Trịnh Văn Th, sinh ngày: 24/04/1991, Tại: xã V H, huyện V L, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKKHKT: Thôn Nghĩa Kỳ, xã V H, huyện V L, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Con ông Trịnh Văn H , sinh năm: 1969; Con bà: Lê Thị H1, sinh năm: 1972; Vợ: Trịnh Thị Th , sinh năm: 1993; Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2019

Tiền sự: Không; Tiền án: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/01/2021 đến ngày 21/01/2021 chuyển Tạm giam. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: 1. Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Xóm 10 S N, xã Ng Ph, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Kh, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Thôn Ph H, xã Th L, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Ông Vũ Đình H3, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn Ph H, xã Th L, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Phạm Văn N, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn Đông Lỗ, xã Th L, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

4. Chị Vũ Thị L, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn Ph H, xã Th L, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa

- Người làm chứng: Bà Vũ Thị Tâm – Giám đốc chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Thiệu Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt anh H, vắng mặt bà Kh, ông H3, anh N, chị L, vắng mặt người làm chứng bà Tâm. (Anh H, bà Kh, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/01/2021 văn phòng đăng ký đất đai huyện Thiệu Hóa báo cáo Công an huyện Thiệu Hóa về việc các công dân Lê Thị Kh sinh năm 1966 ở xã Th L, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa và Nguyễn Đình H sinh năm 1985 ở xã Ng Ph, huyện Tân Kỳ, Nghệ An có đến văn phòng nhờ kiểm tra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSDĐ) mang tên Lê Thị Kh mà các công dân đang có là giả hay thật, qua kiểm tra văn phòng đăng ký đất đai nghi ngờ đây là giấy tờ được làm giả. Cơ quan CSĐT Công an huyện Thiệu Hóa đã tiến hành điều tra, xác định được như sau:

Anh Nguyễn Đình H (Là con rể của bà Lê Thị Kh) và Trịnh Văn Th sinh năm 1991, ở xã V H, huyện V L, Thanh Hóa, cùng làm công ty cổ phần đầu tư và phát triển Trần Gia tại thành phố Hà Nội nên quen biết nhau. Nghe Th nói có nhiều quan hệ có thể làm được giấy tờ về đất đai, nên ngày 13/12/2020 H có hỏi Th xem nhờ được ai làm giúp cho mẹ vợ ở quê Thanh Hóa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được không. Th trả lời để hỏi xem đã. Ngay sau đó Th nhớ đến trong danh bạ điện thoại của mình có số của người theo khai báo của Th thì có tên là Tòng, số điện thoại: 0902.009.664 là người làm được các loại giấy tờ trên toàn quốc. Th đã gọi điện cho Tòng hỏi về việc làm giấy CNQSDĐ. Sau khi Tòng nhận lời thì Th nói với H là Th có quen người làm ở Sở tài nguyên môi trường tỉnh Thanh Hóa nhờ làm được giấy CNQSDĐ. Th bảo H cung cấp các thông tin chứng minh nhân dân và giấy tờ liên quan đến thửa đất bằng cách dùng điện thoại chụp ảnh các giấy tờ rồi gửi qua zalo cho Th. Tin tưởng Th nên H gọi điện về cho mẹ vợ mình là bà Kh báo đã nhờ được người làm giấy CNQSDĐ. Bà Kh nhờ con gái là Vũ Thị L sinh năm 1988 ở Th L, Thiệu Hóa chụp ảnh chứng minh nhân dân, biên lai thu tiền đất và giấy bàn giao đất rồi chuyển qua zalo cho H, nhận được thông tin H lại chuyển qua zalo cho Th. Sau đó Th chuyển toàn bộ thông tin này qua zalo cho Tòng để nhờ Tòng làm giấy CNQSDĐ. Th trao đổi với H là chi phí làm giấy CNQSDĐ cho bà Kh hết 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng) và phải gửi tiền trước thì họ mới làm. H gọi điện cho bà Kh nói chi phí làm giấy CNQSDĐ hết

30.000.000đ(Ba mươi triệu đồng), bà Kh đồng ý và nhờ con gái Vũ Thị L gửi 30.000.000đ vào số tài khoản 22210003911597 của H. Nhận được tiền thì H chuyển vào số tài khoản của Th 0451000441107 tổng số tiền là 23.000.000đ (H chuyển làm hai lần, lần đầu chuyển 21.500.000đ, lần sau là 1.500.000đ). Vài ngày sau Tòng có hẹn Th đến bến xe Giáp Bát, TP Hà Nội, tại đây Th gặp một người đàn ông không rõ tên, địa chỉ đưa cho Th một túi bìa giấy cứng, khi mở ra xem thấy có giấy CNQSDĐ mang tên Lê Thị Kh nhưng không thấy viết ngày, tháng, năm thì Th đã tự viết chữ số 15, 12, 20 trên dòng chữ, số: ngày 15 tháng 12 năm 2020. Sau đó Th gọi điện cho H ra gần bến xe Giáp Bát lấy giấy CNQSDĐ, H nhận giấy này rồi đem về xã Th L, Thiệu Hóa đưa cho mẹ vợ của mình.

Tại xã Th L, H gặp ông Vũ Đình H3 sinh năm 1972 ở gần nhà mẹ vợ H, H có nói chuyện về việc mới nhờ người làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Kh nên ông H3 có bảo H xem có nhờ người làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhà ông được không. Ông H3 đem chứng minh nhân dân, biên lai thu tiền đất và giấy bàn giao đất của nhà mình đến để H chụp ảnh bằng điện thoại, H bảo với ông H3 để H nhờ xem có làm được không. Chi phí cụ thể thì ra Hà Nội rồi H báo lại. Sau đó H gọi điện nhờ Th làm giấy CNQSDĐ cho nhà ông H3, Th nhận lời, H gửi những ảnh liên quan đến đất đai nhà ông H3 qua zalo cho Th, Th lại chuyển những thông tin đó cho Tòng để nhờ Tòng làm giấy CNQSDĐ cho ông H3. Sau đó Th nói với H chi phí làm giấy tờ cho ông H3 hết 80.000.000đ(Tám mươi triệu đồng) và phải gửi tiền trước mới làm. H gọi điện báo cho ông H3 chi phí làm giấy tờ đất cho ông là 270.000.000đ(Hai trăm bảy mươi triệu đồng). Ông H3 đồng ý nhờ làm nhưng thống nhất khi nào làm xong đưa giấy tờ đất thì ông H3 mới chuyển tiền cho H. H báo cho Th cứ nhờ người làm giấy tờ đi rồi H sẽ chuyển tiền. Lần này H đã chuyển cho Th 90.000.000đ(Chín mươi triệu đồng), trong đó H vay của bà Kh 70.000.000đ(Bà Kh nhờ con gái là Vũ Thị L chuyển vào số tài khoản 045100441107 là tài khoản của Th mà H cung cấp cho bà Kh),Th hỏi vay thêm của H 10.000.000đ nên H đưa tiền mặt cho Th 20.000.000đ(hai mươi triệu đồng). Vài ngày sau Th nhận được điện thoại của Tòng nói đến bến xe Giáp Bát như lần trước để nhận giấy CNQSDĐ, tại đây Th cũng nhận một túi giấy cứng bên trong đựng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Vũ Đình H3 từ một người giao hàng không rõ tên tuổi, địa chỉ. Th gọi cho H ra gần bến xe Giáp Bát lấy giấy tờ cho ông H3. Sau khi H nhận giấy tờ thì đem về nhà trọ rồi gọi điện báo cho Ông H3. Khi H đọc thông tin cho ông H3 nghe thì ông H3 nói có một số sai sót nên bảo H làm lại và lần này tách thành hai sổ cho ông xem có được không. H gọi điện cho Th nói về việc có sai lệch của thửa đất và nhờ Th tách thành 2 giấy CNQSDĐ cho ông H3. Th liên lạc với Tòng để nhờ làm theo yêu cầu của H. Sau đó Th báo với H chi phí thêm 90.000.000đ(Chín mươi triệu đồng) và yêu cầu gửi tiền trước mới làm. H bảo Th cứ làm đi rồi chuyển tiền. H đã chuyển thêm vào tài khoản của Th số tiền là 46.000.000đ(Bốn mươi sáu triệu đồng), trong đó một lần 20.000.000đ, một lần 11.000.000đ, ngoài ra H nhờ bạn là anh Phạm Văn N sinh năm 1987 ở xã Th L, Thiệu Hóa chuyển vào tài khoản Th 15.000.000đ.

Do chưa đủ tiền nên Th thường xuyên gọi điện cho H yêu cầu H chuyển nốt số tiền như đã thỏa thuận, ngoài ra Th còn sử dụng một sim điện thoại khác giả

danh người tên là Hùng Phó phòng tài nguyên môi trường huyện Thiệu Hóa đề nhắn tin với H với nội dung đã làm xong giấy tờ đất cho H, yêu cầu H chuyển tiền để nhận giấy tờ. Lúc này H mới nghi ngờ Th làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để lừa lấy tiền của mình nên đã cùng mẹ vợ là bà Kh đem giấy CNQSD đất đến văn phòng đăng ký đất đai huyện Thiệu Hóa nhờ kiểm tra.

Tại bản kết luận giám định số 417/PC09 ngày 21/01/2021 kết luận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Thị Kh và Vũ Đình H3 nói trên là giả. Ngày 25/01/2021 Cơ quan CSĐT tiếp tục ra quyết định trưng cầu giám định số 12 đề trưng cầu số viết tay có nội dung “ 15; 12; 20” và “23; 12; 20” trên dòng chữ và số ngày tháng năm trong 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Thị Kh và mang tên Vũ Đình H3 có phải do cùng một người viết ra hay không, số viết tay nêu trên có phải là chữ viết của Trịnh Văn Th hay không? Tại bản kết luận số 637/PC09 ngày 29/01/2021 kết luận chữ số 15, 12, 20 trên dòng chữ ngày 15 tháng 12 năm 2020 của giấy CNQSDĐ mang tên Lê Thị Kh là chữ viết của Trịnh Văn Th.

Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra Th khai nhận biết đến người tên là Tòng chính là người làm giả được các loại giấy tờ, hơn nữa vào khoảng tháng 03 năm 2020 Th bị mất giấy phép lái xe ô tô nên gọi điện nhờ Tòng làm lại mà Tòng nói chỉ cần cung cấp chứng minh thư mà không cần làm hồ sơ thủ tục gì khác nhưng sau đó Tòng nói làm mỗi cái bằng lái xe ít quá Tòng không làm nên Th đã nhận thức rõ được việc Tòng có thể làm giả các loại giấy tờ trên toàn quốc. Vì vậy khi H nhờ làm giấy CNQSDĐ thì Th nảy sinh lòng tham kiếm tiền tiêu xài nên đã nói dối H là có người quen ở sở tài nguyên môi trường tỉnh Thanh Hóa nhờ làm được giấy tờ mà H đang cần chứ không hề nói đến người tên Tòng. Lần đầu khi nhận được giấy CNQSDĐ mang tên Lê Thị Kh thấy thiếu số ngày, tháng, năm Th đã tự tay viết các số 15, 12, 20 vào tờ giấy đó rồi mới đưa cho H. Th khai báo đã nhận tổng cộng 159.000.000 (Một trăm năm mươi chín triệu đồng), trong đó tiền Th nhận qua tài khoản là 139.000.000đ (Một trăm ba mươi chín triệu đồng) và nhận 20.000.000đ tiền mặt. Với số tiền nhận được đó Th khai báo đã chuyển cho Tòng theo 02 cách gồm: Th đến cửa hàng điện thoại ở thành phố Hà Nội đến nay Th không nhớ địa chỉ cụ thể để nhờ gửi tiền đến một tài khoản mà đến nay Th cũng không nhớ thông tin do Tòng cung cấp làm 03 lần là 10.000.000đ; 9.000.000đ và một lần 18.000.000đ. Ngoài ra Th đưa tiền mặt cho người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ ở bến xe Giáp Bát 02 lần, một lần 10.000.000đ, một lần 19.000.000đ. Như vậy theo khai báo Th đã chuyển cho Tòng số tiền để làm giấy CNQSDĐ cho bà Kh, ông H3 là 66.000.000đ (Sáu mươi sáu triệu đồng). Còn lại số tiền 93.000.000đ Th đã sử dụng toàn bộ vào chi tiêu cá nhân và chơi điện tử hết.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKS - TH ngày 27/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Trịnh Văn Th về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” theo điểm c khoản 2 điều 341 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 điều 174 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng:

Đối với tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” đề nghị áp dụng: Điểm c khoản 2 điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 38; Bộ luật hình sự năm 2015; Đề nghị xử phạt Trịnh Văn Th từ 24 đến 30 tháng tù.

Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đề nghị áp dụng: Điểm c khoản 2 điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; điều 55; điều 38 Bộ luật hình sự; Đề nghị xử phạt Trịnh Văn Th từ 24 đến 30 tháng tù.

Về vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại đã cũ, có nhãn hiệu iphone 6, màu đen bạc, số IMEI: 359231062974959, bên trong có gắn sim số 056463091 và 01 điện thoại đã cũ, có nhãn hiệu nokia, màu xanh, số IMEI: 352404/05/8594701/4, bên trong có gắn sim số 0961523491.

Đề nghị trả lại cho bị cáo Th 01(Một) IPAD AI của Trịnh Văn Th đã cũ, không rõ nguồn gốc xuất xứ, số máy ME 9955/A, số seri DMPLVHP7F4YH, số IMEI 3587699053095657, màu trắng có ốp màu đen.

Đề nghị lưu hồ sơ vụ án 02(Hai) tờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Thị Kh và Vũ Đình H3 đều ở xã Th L, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa. Hai giấy chứng nhận này đều có dấu đỏ của phòng giám định Công an tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí: Bị cáo Trịnh Văn Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố, không tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh hình phạt và các vấn đề khác. Khi nói lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi, chứng cứ xác định tội phạm: Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Văn Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án ; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do làm cùng công ty nên Trịnh Văn Th và anh Nguyễn Đình H có quen biết nhau, có lần Th nói với H, Th có nhiều mối quan hệ quen biết có thể làm được giấy tờ đất đai, nên H hỏi Th có nhờ được người làm giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất được không. Vì vậy Th nảy sinh ý định kiếm tiền tiêu sài cá nhân, nên Trịnh Văn Th đã nói với anh Nguyễn Đình H là Th có người quen làm ở Sở tài nguyên môi trường tỉnh Thanh Hóa và người quen tại phòng tài nguyên môi trường huyện Thiệu Hóa có thể làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy anh Nguyễn Đình H đã tin tưởng và chuyển tiền nhiều lần tiền cho Th với tổng số tiền là 159.000.000đ (Một trăm năm mươi chín triệu đồng) để Th nhờ người làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mẹ vợ của H là bà Lê Thị Kh và cho chú bên vợ là ông Vũ Đình H3. Tuy nhiên trên thực tế Th không hề quen biết ai làm ở Sở tài nguyên môi trường tỉnh Thanh Hóa cũng như phòng tài nguyên môi trường huyện Thiệu Hóa nhưng để H chuyển tiền cho mình, Th đã nói với H là Th có người quen tại Sở tài nguyên môi trường tỉnh Thanh Hóa và người quen tại phòng tài nguyên môi trường huyện Thiệu Hóa có thể làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do Th biết một người tên Tòng có thể làm giả giấy tờ trên toàn quốc nên Trịnh Văn Th đã liên lạc qua điện thoại với người có tên là Tòng để nhờ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho bà Lê Thị Kh và ông Vũ Đình H3. Sau khi liên lạc được với người tên Tòng, bị cáo Th đã yêu cầu H cung cấp thông tin của bà Kh, ông H3 để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Với số tiền H chuyển cho Th, Th đã chuyển cho người có tên là Tòng là 37.000.000đ (ba bảy triệu đồng) và đưa trực tiếp cho người lạ mặt không quen biết khi nhận giấy là 29.000.000đ (hai chín triệu đồng) để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Số tiền chiếm đoạt còn lại Th để chi tiêu cá nhân. Như vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 174 và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến hai khách thể được pháp luật bảo vệ, bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước và xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong một bộ phận quần chúng nhân dân; Bị cáo nhận thức rõ việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản và làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức là hành vi vi phạm pháp luật. Song vì muốn chiếm đoạt tài sản của người khác và vì muốn qua mặt các cơ quan có thẩm quyền nên bị cáo đã lao vào con đường phạm tội. Vì vậy hành vi đó phải được xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe phòng ngừa chung, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có hành vi lừa đảo 02 lần vì vậy bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự; Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự. Sau khi phạm

tội bị cáo đã đến cơ quan công an đầu thú, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị cáo còn có thêm tình tiết giảm nhẹ sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Người bị hại anh Nguyễn Đình H có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài những tình tiết giảm nhẹ nêu trên bị cáo có thời gian tham gia bộ đội, ông nội bị cáo là người có công với cách mạng. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điều 51 Bộ luật hình sự, nên cần áp dụng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy, bị cáo là lao động tự do, không nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định; Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Trong vụ án này bị cáo Th khai báo Tòng là người có số điện thoại 090.200.9664 mà Th đã liên lạc và kết nối qua zalo để nhờ làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Kh, ông H3. Tuy nhiên Th không biết chính xác họ tên và địa chỉ của Tòng. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh số điện thoại mà Th cung cấp tại tổng công ty Mobifone Việt N cho biết số điện thoại 0902009664 chủ thuê bao trả trước là công ty cổ phần truyền thông C & T, qua điều tra không có cơ sở xác định ai là chủ sở hữu và người nào sử dụng số điện thoại 0902009664 từ thời gian nào đến thời gian nào. Vì vậy Cơ quan CSĐT không có cơ sở để xác định người tên Tòng để xem xét xử lý.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Trong đơn xin xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đình H thừa nhận bị cáo Trịnh Văn Th đã tác động gia đình tự bồi thường cho anh, anh H không có yêu cầu bồi thường gì thêm, việc thỏa thuận giữa các bên là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với trường hợp bà Lê Thị Kh nhờ chị Vũ Thị L chuyển tiền cho anh Nguyễn Đình H nhờ người làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số tiền trên anh H đã chuyển lại cho bà Kh, bà Kh, chị L không có yêu cầu gì. Đối với anh Phạm Văn N chuyển tiền cho bị cáo Th là do anh H vay, đây là quan hệ dân sự giữa anh H và anh N, anh N không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử miễn xét. Ông Vũ Đình H3 là người nhờ anh H làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên ông H3 chưa chuyển bất cứ khoản tiền nào cho anh H và bị cáo Th, quá trình điều tra ông H3 không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại đã cũ, có nhãn hiệu iphone 6, màu đen bạc, số IMEI: 359231062974959, bên trong có gắn sim số 056463091 và 01 điện thoại đã cũ, có nhãn hiệu nokia, màu xanh, số IMEI: 352404/05/8594701/4, bên trong có gắn sim số 0961523491, đây là phương tiện phạm tội, vì vậy cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp;

Đối với 01(Một) IPAD AI của Trịnh Văn Th đã cũ, không rõ nguồn gốc xuất xứ, số máy ME 9955/A, số seri DMPLVHP7F4YH, số IMEI

3587699053095657, màu trắng có ốp màu đen, bị cáo Th không dùng vào việc phạm tội. Vì vậy cần trả lại cho bị cáo là phù hợp.

Đối với 02(Hai) tờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Thị Kh và Vũ Đình H3 đều ở xã Th L, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa. Hai giấy chứng nhận này đều có dấu đỏ của phòng giám định Công an tỉnh Thanh Hóa, đây là chứng cứ quan trọng cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[9]. Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 341; điểm c khoản 2 điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; điều 38; điều 55 Bộ luật hình sự;

- Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Văn Th phạm tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn Th 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*” và 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội là 48 (Bốn mươi tám) tháng tù Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giữ (Ngày 16/01/2021).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại đã cũ, có nhãn hiệu iphone 6, màu đen bạc, số IMEI: 359231062974959, bên trong có gắn sim số 056463091 và 01 điện thoại đã cũ, có nhãn hiệu nokia, màu xanh, số IMEI: 352404/05/8594701/4, bên trong có gắn sim số 0961523491.

Trả lại cho bị cáo Trịnh Văn Th 01(Một) IPAD AI đã cũ, không rõ nguồn gốc xuất xứ, số máy ME 9955/A, số seri DMPLVHP7F4YH, số IMEI 3587699053095657, màu trắng có ốp màu đen. (Đặc điểm các vật chứng này theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thiệu Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa ngày 16/4/2021).

Lưu hồ sơ vụ án 02(Hai) tờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Thị Kh và Vũ Đình H3 đều ở xã Th L, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa. Hai giấy chứng nhận này đều có dấu đỏ của phòng giám định Công an tỉnh Thanh Hóa. (Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa và Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa ngày 10/6/2021).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 6, Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Trịnh Văn Th phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người CQLNVLQ;
- Chi cục THADS huyện Thiệu Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Thị Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA